

Số: 27/2023/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ánh K, sinh năm 1992,
Địa chỉ: Số 2, đường 4, xóm V, xã D, huyện H, thành phố H,
- Bị đơn: Anh Trương Ngọc H, sinh năm 1985,
Trú tại: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Q,
Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2023, về việc các đương sự đó thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ánh K và anh Trương Ngọc H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Theo chị Trần Thị Ánh K và anh Trương Ngọc H thống nhất thừa nhận vợ chồng có 01 con chung Trương Ánh T, sinh 10/11/2012, hiện con đang sống cùng anh H. Anh/chị thỏa thuận giao con Trương Ánh T cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con, chị K tự nguyện đóng góp nuôi con cùng anh H mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 5/2023 đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: Theo chị Trần Thị Ánh K và anh Trương Ngọc H

thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, nên Anh/chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị K, anh H mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn; chị K phải chịu 150.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con. Anh/chị thỏa thuận giao cho chị K chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn và án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Số tiền án phí chị Trần Thị Ánh K phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004041 ngày 06/3/2023. Chị Kiều đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Hiền Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Châu